TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09/9/2024
V/v: *"Xin ly hôn, nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Hoa
2. Ông Lê Thành Thạnh Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, không tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 65/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp *"Xin ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 15 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 119/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 30 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm: 1986;
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang;
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Anh Q, sinh năm: 1985;
Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang;

(Chị N xin vắng mặt, anh Q vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N trình bày:*

Chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Nguyễn Anh Q tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới, đăng ký kết hôn ngày 18/6/2015 tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Q không lo kinh tế gia đình, thường xuyên uống rượu và mê chơi cờ bạc. Khi có uống rượu, anh Q thường kiếm

chuyện để cãi nhau với chị N và dùng lời lẽ xúc phạm danh dự chị N trước mặt người khác. Chị N nhiều lần khuyên anh Q sửa đổi tính tình, lo làm ăn nhưng anh Q không thay đổi. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Thời gian sống ly thân, anh chị không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đến nay, chị N không còn tình cảm với anh Q nên xin ly hôn với anh Q.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 03/12/2017 và Nguyễn Hoàng Tuệ M, sinh ngày 05/7/2021. Hiện nay Nguyễn Hoàng Gia H và Nguyễn Hoàng Tuệ M đang sống với chị N. Ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung. Chị N yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000 đồng (1.000.000 đồng/con/ tháng), đến khi các con 18 tuổi, lao động được; thực hiện lần đầu khi án có hiệu lực.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý, Thông báo về việc công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn Nguyễn Anh Q hợp lệ nhưng anh Nguyễn Anh Q vắng mặt không có lý do, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tuyết N.

* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên

- *Về tố tụng*: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về nội dung vụ án*: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 110 VÀ 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Chị Nguyễn Thị Tuyết N được ly hôn với anh Nguyễn Anh Q. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 03/12/2017 và Nguyễn Hoàng Tuệ M, sinh ngày 05/7/2021, cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Buộc anh Q cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000 đồng (1.000.000 đồng/con/ tháng), đến khi các con 18 tuổi, lao động được; thực hiện lần đầu khi án có hiệu lực. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý, Thông báo về việc công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn Nguyễn Anh Q hợp lệ nhưng anh Q vắng mặt không có lý do, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết

Chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Nguyễn Anh Q có đăng ký kết hôn vào năm 2015 nên là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử áp dụng Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết. Chị Nguyễn Thị Tuyết N xin ly hôn với anh Nguyễn Anh Q và yêu cầu nuôi con nên đây là vụ án về: "*Xin ly hôn, nuôi con*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Tân Phú Đông. Chị N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Anh Q vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2, không có lý do. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt chị N, anh Q.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị N

- *Về quan hệ hôn nhân*:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải chị N cho rằng vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Q không biết lo kinh tế gia đình, thường xuyên uống rượu và chơi cờ bạc. Khi có uống rượu, anh Q kiếm chuyện cãi nhau với chị N và dùng lời lẽ xúc phạm danh dự chị N trước mặt người khác. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Chị N không còn tình cảm với anh Q. Xét thấy, thời gian sống ly thân, anh chị không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án đã tống đạt cho anh Q Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Q không gửi văn bản trình bày ý kiến, không tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, cũng không đến dự phiên tòa là cố ý bỏ mặc cuộc hôn nhân của anh chị cho chị N quyết định. Do đó, cho thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

- *Về con chung:*

Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 03/12/2017 và Nguyễn Hoàng Tuệ M, sinh ngày 05/7/2021. 02 con đang sống với chị N. Ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con. Anh Q chưa có ý kiến đối với yêu cầu nuôi con của chị N. Xét thấy, 02 con của anh chị sống với chị N từ năm 2021 đến nay. Để ổn định cuộc sống và đảm bảo điều kiện tốt nhất về mọi mặc cho các con của anh chị, cần giao Nguyễn Hoàng Gia H và Nguyễn Hoàng Tuệ M chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Chị N yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét thấy, tại Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: ''*Cha mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên,...* ". Do đó, chị N yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận. Chị N yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000 đồng (1.000.000 đồng/con/tháng). Xét thấy, mức cấp dưỡng chị N yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi mỗi con, thấp hơn ½ mức lương cơ bản hiện nay. Do đó, chấp nhận yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con của chị N. Buộc anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi Nguyễn Hoàng Gia H và Nguyễn Hoàng Tuệ M mỗi tháng 2.000.000 đồng (1.000.000 đồng/con/tháng), đến khi các con 18 tuổi, có khả năng lao động; thực hiện việc cấp dưỡng khi án có hiệu lực.

[3] Về tài sản chung và nợ chung:

Theo chị N trình bày, vợ chồng không có sản chung và nợ chung.

[4] Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Tuyết N, phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Anh Nguyễn Anh Q phải nộp án phí đối với việc cấp dưỡng nuôi con, theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều luật áp dụng:

- Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 5, khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147; khoản 1, 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Xử*:**

1. Về quan hệ hôn nhân:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Tuyết N.

- Chị Nguyễn Thị Tuyết N được ly hôn với anh Nguyễn Anh Q.

2. Về con chung:

- Giao chị Nguyễn Thị Tuyết N được tiếp tục nuôi 02 con tên Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 03/12/2017 và Nguyễn Hoàng Tuệ M, sinh ngày 05/7/2021.

- Buộc anh Nguyễn Anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con Nguyễn Hoàng Gia H và Nguyễn Hoàng Tuệ M mỗi tháng 2.000.000 *(hai triệu)* đồng (1.000.000 đồng/con/tháng), đến khi Nguyễn Hoàng Gia H và Nguyễn Hoàng Tuệ M đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thực hiện việc cấp dưỡng khi án có hiệu lực pháp luật.

- Anh Nguyễn Anh Q được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị Nguyễn Thị Tuyết N

Đến hạn nộp tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu anh Nguyễn Anh Q không thực hiện việc cấp dưỡng theo thời gian trên thì hàng tháng phải trả thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có

4. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Tuyết N phải nộp 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng, án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 *(ba trăm nghìn*) đồng, theo biên lai thu tiền số 0001725, ngày 04/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông. Như vậy, Chị Nguyễn Thị Tuyết N đã nộp xong án phí.

- Anh Nguyễn Anh Q phải nộp 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng, án phí hôn nhân sơ thẩm hôn nhân sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

5. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt bản án hợp lệ, các đương sự có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND huyện TPĐ;
- Chi cục THADS H. TPĐ;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu án văn, hồ sơ.

Nguyễn Thị Hoàng Nhi